TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08**/2019/DS-PT
Ngày 29– 01– 2019.
"V/v tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng**.**

Các Thẩm phán: Ông Doãn Đình Quyến và bà Lưu Thị Thu Hường.

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29/ 01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2018/TLPT-DS ngày 04/12/2018 về việc *"Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2018/DS-ST ngày 20/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2019/QĐPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:**

1.1 Bà Nguyễn Thị Thu Đ; trú tại: 333 YM, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

1.2 Bà Nguyễn Thị Thu Th; trú tại: 335 YM, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

1.3 Ông Nguyễn Thanh L; trú tại: Thôn 2, xã BT, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

1.4 Bà Nguyễn Thị Thu L1; trú tại: 321 YM, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

1.5 Ông Nguyễn Thanh H; trú tại: Thôn 2, xã BT, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

1.6 Ông Nguyễn Thanh S; trú tại: LG 1, TDP 6B, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: Ông Lê Thành N; Địa chỉ: 17 YB, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Bị đơn:

2.1 Văn phòng công chứng Đ; địa chỉ: 38 NQ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của Văn phòng công chứng Đ: Ông Lê Xuân Q; chức vụ: Nhân viên.

Địa chỉ: 38 NQ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2.2 Bà Nguyễn Thị Thu C

HKTT: 03 NVT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: 333 YM, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Phan Thị H1; trú tại: 25 PĐL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3.2 Bà Nguyễn Thị N1; trú tại: 350 PBC, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.3Ủy ban nhân dân thành phố B; địa chỉ: 01 LNĐ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Nhật N2, chức vụ: Chuyên viên phòng Tài nguyên và môi trường thành phố B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn Ông Lê Thành N trình bày:

Cụ Nguyễn Văn D- Sinh năm 1923, chết ngày 20/11/2001 và cụ Nguyễn Thị T- sinh năm 1932, chết ngày 10/8/2008 có 07 người con là các ông bà Nguyễn Thị Thu Đ, Nguyễn Thị Thu Th, Nguyễn Thị Thu L1, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thanh S và Nguyễn Thị Thu C. Trước khi chết cụ D, cụ T không để lại di chúc đối với phần di sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 11, diện tích 67,4m^2 tọa lạc tại phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận QSD đất số AI 544393 do UBND thành phố B cấp ngày 29/5/2007. Theo ý nguyện của cụ T cùng các con trong gia đình thể hiện tại biên bản họp gia đình ngày 08/6/2008 thì căn nhà tại số 03 NVT, thành phố B được xây dựng trên thửa đất nêu trên sẽ được sử dụng vào việc thờ cúng, ma chay và lễ giỗ. Sau khi cụ D cụ T mất thì ngày 22/8/2010 các anh chị em lập biên bản họp gia đình thống nhất sẽ ủy quyền lại cho Bà Nguyễn Thị Thu C đại diện cho các đồng thừa kế quản lý, sử dụng căn nhà nêu trên vào việc thời cúng, ma chay và lễ giỗ trong gia đình vì hiện tại bà C đang cư trú tại phường TL, thành phố B sẽ thuận lợi cho việc trông coi nhà cửa.

Đến ngày 03/7/2014 bà C đến Văn phòng công chứng Đ để soạn thảo trước văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đối với phần di sản mà cụ D cụ T để lại. Các anh chị em trong gia đình rất hòa thuận và tin tưởng nhau, nên khi bà C nói đến văn phòng ký giấy tờ để bà C thuận tiện trong việc quản lý, trông nom di sản thì các ông bà đã đến Văn phòng công chứng Đ ký vào văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đã được bà C soạn sẵn trước đó mà không xem kỹ nội dung câu chữ trong văn bản. Sau đó các ông bà Đ, Th, L, L1, H, S mới biết việc bà C đã tiến hành lập hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với thửa đất trên cho bà C với tư cách cá nhân chứ không phải đại diện cho các đồng thừa kế. Sau khi các ông bà xem lại văn bản thỏa thuận đã ký tại Văn phòng công chứng Đ ngày 03/7/2014 thì mới biết nội dung văn bản thể hiện không phải là việc các ông bà đồng ý ủy quyền cho bà C đại diện đứng tên quản lý di sản thờ cúng mà là tặng cho bà C phần các ông bà được hưởng trong khối di sản thừa kế do cụ D cụ T để lại.

Việc bà C lợi dụng lòng tin của các anh chị em để cố tình thay đổi nội dung trong văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế từ "ủy quyền đại diện cho các anh chị em quản lý, sử dụng" sang "tặng cho bà C" là hành vi vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của các nguyên đơn, làm ảnh hưởng đến việc thờ cúng, lễ giỗ khó được đảm bảo lâu dài theo ý nguyện của cụ D cụ T và các anh chị em trong gia đình. Vì vậy, các nguyên đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết: Yêu cầu Tòa án tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được lập ngày 03/7/2014 số 105376, quyển số 07/CC-SCC-HĐGD tại Văn phòng công chứng Đ vô hiệu.

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Bà Nguyễn Thị Thu C trình bày:

Trước đây ba mẹ bà là Cụ Nguyễn Văn D và cụ Nguyễn Thị T(đã mất) có tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 11, diện tích 67,4m^2 tọa lạc tại phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Năm 2001 cha bà qua đời không để lại di chúc. Ngày 08/6/2008 mẹ bà có họp các con lại và đã thống nhất dùng căn nhà tại số 03 NVT, thành phố B được xây dựng trên thửa đất nêu trên sẽ được sử dụng vào việc thờ cúng, ma chay và lễ giỗ. Năm 2010, 07 anh chị em bà họp thống nhất khối di sản trên để làm nơi thờ cúng. Năm 2014 vì làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều nên bà đã lừa dối anh chị em bà sang tên căn nhà này để bà tiện cho việc đóng thuế cho Nhà nước. Các anh chị vì tin tưởng bà nên đã đồng ý, bà đã đếnVăn phòng công chứng Đ lập hồ sơ sang tên cho bà nhằm mục đích lấy Giấy CNQSD đất (sổ đỏ) để vay vốn ngân hàng trả nợ cho các chủ nợ. Khi ra công chứng các anh chị bà không đọc nội dung văn bản công chứng mà hoàn toàn tin tưởng bà, nhưng khi ra sổ đỏ một trong các chủ nợ của bà đã lấy tài sản (bìa đỏ) trên. Khi đó các anh chị bà mới biết bà lừa dối họ nên họ đã kiện bà ra Tòa yêu cầu

tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu. Nay bà xin đồng ý với yêu cầu khởi kiện này và phần thừa kế của ai bà xin trả lại cho người đó.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Văn phòng công chứng Đ – Ông Lê Xuân Q trình bày:

Ngày 03/7/2014 các ông bà Nguyễn Thị Thu Đ, Nguyễn Thị Thu Th, Nguyễn Thị Thu L1, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thanh S và Nguyễn Thị Thu C đã đến Văn phòng công chứng Đ yêu cầu công chứng văn bản phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất thửa số 10, tờ bản đồ số 11, diện tích 67,4 m^2 tại phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk do bố mẹ các ông bà là Cụ Nguyễn Văn D và cụ Nguyễn Thị Tchết để lại.

Sau khi đã kiểm tra hồ sơ, Văn phòng công chứng đã giải thích rõ cho các đồng thừa kế quyền lợi và nghĩa vụ của mình khi tiến hành thủ tục phân chia di sản thừa kế nói trên. Các đồng thừa kế đã đọc và được nghe đọc, đồng ý toàn bộ nội dung của văn bản phân chia di sản thừa kế nói trên và đã ký vào văn bản trước sự chứng kiến của công chứng viên. Nay, bà Đ và các anh chị em ruột của bà khởi kiện yêu cầu hủy văn bản phân chia di sản thừa kế là không có cơ sở.

- Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Phan Thị H1 trình bày:

Vào ngày 17/6/2014 Bà Nguyễn Thị Thu C đã vay của bà số tiền 3.080.000.000 đồng, vì tin tưởng bà C là lãnh đạo ngân hàng, bà C nói với bà là vay để đáo hạn ngân hàng một thời gian ngắn sẽ hoàn trả đầy đủ. Nhưng sau đó bà C đã không thực hiện đúng như cam kết, bà đã nhiều lần đòi nhưng bà C không thực hiện việc trả nợ. Đến ngày 05/7/2014 bà C có tín chấp cho bà một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 544393, một văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, một chứng minh nhân dân, một sổ hộ khẩu tất cả đều là bản gốc mang tên bà C, địa chỉ tại 03 NVT, phường TL, thành phố B

Hiện nay anh chị em bà C làm đơn yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu là nhằm mục đích tẩu tán tài sản, tài sản này là của bà C đang dùng để đảm bảo cho khoản nợ của bà. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của gia đình bà C, khi nào bà C thanh toán hết khoản nợ cho bà thì bà sẽ trả lại toàn bộ giấy tờ nhà cho bà C.

- Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị N1 trình bày:

Bà có cho bà Nguyễn Thị Thu C, địa chỉ: 03 NVT, phường TL, thành phố B vay số tiền 3.750.000.000 đồng, đến hạn trả nợ bà C không trả nợ cho bà nên bà đã khởi kiện bà C ra Tòa yêu cầu bà C phải trả cho bà số tiền đã vay và đã được Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án bà được biết bà C có tài sản là nhà

đất tại số 03 NVT, phường TL, thành phố B nên để đảm bảo quyền lợi của mình không để bà C tẩu tán tài sản bà đã làm đơn đề nghị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và đã được Tòa án chấp nhận.

Nay gia đình bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu thì bà không đồng ý. Vì tài sản này thuộc quyền sở hữu của bà C, gia đình bà C đã tặng cho bà C và đã được pháp luật thừa nhận, việc đề nghị hủy văn bản công chứng sẽ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà nên bà không đồng ý.

- Quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố B –Ông Huỳnh Nhật N2 trình bày:

Năm 2006 hộ bà Nguyễn Thị T lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất và được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận QSD đất số AI 544393 ngày 29/5/2007 cho hộ bà Nguyễn Thị T đối với thửa đất số 10, tờ bản đồ số 11, lô đất tọa lạc tại phường TL, thành phố B. Ngày 10/8/2008 bà Nguyễn Thị T chết, đến năm 2014 các con của bà T lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế (chuyển toàn bộ tài sản trên cho bà Nguyễn Thị Thu C) và được Văn phòng công chứng Đ công chứng ngày 03/7/2014. Ngày 04/7/2014 Văn phòng đăng ký QSD đất (nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai) đã chỉnh lý để thừa kế cho bà Nguyễn Thị Thu C theo quy định. Tại thời điểm thừa kế tài sản trên thì các đồng thừa kế không có khiếu nại, tranh chấp gì. Vì vậy, đề nghị Tòa án căn cứ tài liệu, chứng cứ của các bên liên quan và kết quả xác minh thực tế để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2018/DS-ST ngày 20/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Áp dụng khoản 11 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 147, điểm a khoản 1 Điều 203; Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 121, Điều 122; Điều 124 và Điều 125 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 3; khoản 2 Điều 27 pháp lệnh số 10/PL-UBTVQH 12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí toà án

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu Đ, Nguyễn Thị Thu Th, Nguyễn Thị Thu L1, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thanh S về việc Yêu cầu Tòa án tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được lập ngày 03/7/2014 số 105376, quyển số 07/CC-SCC-HĐGD tại Văn phòng công chứng Đ vô hiệu.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 02/10/2018, các đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Đ, bà Nguyễn Thị Thu Th, ông Nguyễn Thanh L, bà Nguyễn Thị Thu L1, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Thanh S kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2018/DSST ngày 20/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kháng cáo của các đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Đ, Nguyễn Thị Thu Th, Nguyễn Thị Thu L1, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thanh S về việc Yêu cầu Tòa án tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được lập ngày 03/7/2014 số 105376, quyển số 07/CC-SCC-HĐGD tại Văn phòng công chứng Đ vô hiệu là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận kháng cáo của các đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Đ, Nguyễn Thị Thu Th, Nguyễn Thị Thu L1, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thanh S- Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nguồn gốc đất: Cụ Nguyễn Văn D và cụ Nguyễn Thị T có 07 người con là các ông bà Nguyễn Thị Thu Đ, Nguyễn Thị Thu Th, Nguyễn Thị Thu L1, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thanh S và Nguyễn Thị Thu C. Tài sản cụ D, cụ T tạo lập để lại là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 11, diện tích 67,4m^2 tọa lạc tại phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận QSD đất số AI 544393 do UBND thành phố B cấp ngày 29/5/2007. Ngày 20/11/2001 cụ D chết không để lại di chúc, đến ngày 08/6/2008

cụ T và bảy người con họp và lập biên bản họp gia đình (bút lục 17) thống nhất Gian nhà nhỏ cho 3 con trai là ông L, ông H, ông S. Gian nhà lớn ủy quyền cho bà Đ để lo việc ma chay, giỗ, xin lễ trong vòng 2 năm. Ngày 10/8/2008 cụ T Chết thì đến ngày 22/8/2010 bảy người con cùng họp và ký vào Biên bản họp gia đình với nội dung ủy quyền cho bà C quản lý sử dụng vào việc thờ cúng cha mẹ và ông bà tổ tiên, bà C không được quyền mua bán, chuyển nhượng, tặng cho hay thế chấp thửa đất trên. Đến ngày 03/7/2014 tại Văn phòng công chứng Đ bảy người con của cụ D, cụ T đã ký Văn bản công chứng phân chia di sản thừa kế với nội dung *"đồng ý tặng cho phần mà mỗi người được hưởng trong khối di sản thừa kế do ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Tđể lại cho Bà Nguyễn Thị Thu C. Bà Nguyễn Thị Thu C đồng ý nhận toàn bộ phần quyền sử dụng đất được tặng cho nêu trên và gộp với phần quyền sử dụng đất của mình để được toàn quyền sử dụng toàn bộ đối với di sản thừa kế là quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Tđể lại. Kể từ ngày ký văn bản này, bà Nguyễn Thị C có toàn quyền lập và ký tên vào các giấy tờ theo quy định của pháp luật để chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp,... quyền sử dụng đất là di sản thừa kế nói trên với tư cách là người sở hữu toàn bộ khối di sản thừa kế"*.

[3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu Đ, bà Nguyễn Thị Thu Th, ông Nguyễn Thanh L, bà Nguyễn Thị Thu L1, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Thanh S cho rằng văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được lập ngày 03/7/2014 số 105376, quyển số 07/CC-SCC-HĐGD tại Văn phòng công chứng Đ vô hiệu. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đồng nguyên đơn đều cho rằng việc ký văn bản thỏa thuận tặng cho tài sản thừa kế là do tin tưởng bà C nên khi ký không đọc nội dung, đã bị bà C lừa dối và làm trái với ý nguyện của người để lại di sản, trái đạo đức xã hội. Tuy nhiên, lại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc mình bị lừa dối, ép buộc khi ký vào văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế. Mặc khác, các bên đều thừa nhận chữ ký trong văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 03/7/2014 là của mình. Văn phòng công chứng Đ xác nhận sau khi đã kiểm tra hồ sơ, giấy tờ liên quan công chứng viên đã giải thích rõ cho các đồng thừa kế quyền lợi và nghĩa vụ của mình khi tiến hành thủ tục phân chia di sản thừa kế nói trên. Các đồng thừa kế đã đọc và được nghe đọc, đồng ý toàn bộ nội dung của văn bản phân chia di sản thừa kế nói trên và đã ký vào văn bản trước sự chứng kiến của công chứng viên.Việc công chứng được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Hơn nữa, các đồng nguyên đơn đều là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên phải ý thức được hậu quả của việc ký vào văn bản mà không đọc kỹ nội dung.

Việc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu C thừa nhận việc mình lừa dối các nguyên đơn để họ ký vào văn bản thỏa thuận phân chia di sản là không có căn cứ. Bởi lẽ, sau khi nhận di sản bà C đã đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tín chấp cho bà Nguyễn Thị N1, bà Phan Thị H1 để vay tiền và không có khả năng thanh toán. Vì vậy, việc bà C thừa nhận mình lừa dối các đồng nguyên đơn chỉ nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ trả nợ của bà C đối với bà N1, bà H1.

Căn cứ để các nguyên đơn khởi kiện là biên bản họp gia đình ngày 08/6/2008 giữa cụ T và các con cụ T nhưng lại không có bản gốc để cung cấp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu của mình. Ngoài ra, tại biên bản họp gia đình (bút lục 17) ngày 08/6/2008 thể hiện ý nguyện của cụ T là "gian nhà lớn ủy quyền cho con gái lớn là Nguyễn Thị Thu Đ để lo việc ma chay – giỗ - xin lễ trong vòng 2 năm. Nếu các con tôi ai có tiền đưa trước được toàn quyền sử dụng số tiền đó chia đều cho các con...". Ngày 10/8/2008 cụ T chết thì đến ngày 03/7/2014 các đồng thừa kế mới ký văn bản thỏa thuận phân chia di sản là đã trên 2 năm và không trái ý nguyện của cụ T.

Ngoài ra, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng khi tiến hành công chứng, Văn phòng công chứng Đ đã không xác minh xem tài sản yêu cầu phân chia di sản thừa kế gồm những gì? Có tài sản gắn liền với đất không? Việc công chứng trên đã vi phạm Điều 49 Luật công chứng. Hội đồng xét xử xét thấy theo nội dung văn bản phân chia di sản thừa kế thì các nguyên đơn chỉ đề nghị Văn phòng công chứng phân chia di sản là quyền sử dụng đất, cụ T là người đã được Uỷ ban nhân dân thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đó là căn cứ để chứng minh người để lại di sản đúng là người có quyền sử dụng đất, quyền sỡ hữu tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy việc công chứng của Văn phòng công chứng Đ là hoàn toàn đúng pháp luật.

Từ những phân tích trên, có căn cứ để cho rằng việc các đồng nguyên đơn đồng ý tặng cho phần di sản thừa kế của mình cho bà Nguyễn Thị Thu C theo văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 03/7/2014, được công chứng tại Văn phòng công chứng Đ là đúng. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu Đ, bà Nguyễn Thị Thu Th, ông Nguyễn Thanh L, bà Nguyễn Thị Thu L1, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Thanh S. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là không có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu Đ, bà Nguyễn Thị Thu Th, ông Nguyễn Thanh L, bà Nguyễn Thị Thu L1, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Thanh S không

được chấp nhận nên bà Đ, bà Th, ông L, bà L1, ông H, ông S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 121, Điều 122; Điều 124 và Điều 125 Bộ luật dân sự năm 2005, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu Đ, bà Nguyễn Thị Thu Th, ông Nguyễn Thanh L, bà Nguyễn Thị Thu L1, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Thanh S. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2018/DSST ngày 20/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Tuyên xử: - Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu Đ, bà Nguyễn Thị Thu Th, bà Nguyễn Thị Thu L1,ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Thanh S về việc Yêu cầu Tòa án tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được lập ngày 03/7/2014 số 105376, quyển số 07/CC-SCC-HĐGD tại Văn phòng công chứng Đ vô hiệu.

[2] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu Đ, bà Nguyễn Thị Thu Th, ông Nguyễn Thanh L, bà Nguyễn Thị Thu L1, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Thanh S mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 1.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà các nguyên đơn đã nộp (bà Đặng Hồng Ng nộp thay) theo các biên lai thu tiền số AA/2017/0008267, 0008268, 0008270,0008269, 0008271, 0008266 ngày 11/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thành phố BMT;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng